

Số : 54 /QĐ-QLTTNT

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2823/QĐ-TCQLTT ngày 30/12/2022 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 924/QĐ-TCQLTT ngày 29/06/2023 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc điều chỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

Xét đề nghị của trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 Của Cục Quản lý thị trường tỉnh Ninh Thuận(Theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn, Đội trưởng các Đội QLTT có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục QLTT;
- LĐ Cục QLTTNT;
- Như điều 3;
- Niêm yết công khai;
- Đăng trang website Cục;
- Đăng trang website Tổng Cục;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
P. CỤC TRƯỞNG PHỤ TRÁCH**



Trần Minh Khoa



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN

chương: 016

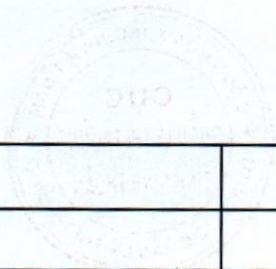
Mã số ĐVQHNS: 1063081

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 524/QĐ-QLTTNT ngày 14/8 /2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Ninh Thuận)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao
I	Dự toán thu nguồn khác (nếu có)	
1	Thu hội phí	
2	Thu từ đóng góp của tổ chức, cá nhân	
3	Thu khác	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.929,0
I	Kinh phí thực hiện tự chủ	6.601
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.328,0
	- Kinh phí thuê trụ sở làm việc	95,0
	- Mua sắm tài sản cố định	560,0
	- Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính	
	- Kinh phí hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả	673,0
	- Ban chỉ đạo 389 ngành	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	



	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	
III	Chi từ nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân	
	Nhiệm vụ A	
	Nhiệm vụ B	
	